

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NĂM 2022

(Thực hiện Quyết định số/QĐ-BKHCN ngày tháng ... năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Điều tra Nghiên cứu khoa học và Phát triển công nghệ năm 2022, những điều ghi trên phiếu được bảo mật theo Luật Thống kê)

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐƠN VỊ

1. Thông tin về đơn vị

1.1. Tên đơn vị:

1.2. Tên giao dịch viết tắt (nếu có):

1.3. Địa chỉ:

Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương:

1.4. Phương tiện liên lạc:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

2. Thông tin về thủ trưởng đơn vị (Đánh dấu X vào 1 mục phù hợp đối với trình độ, chức danh)

2.1. Họ và tên thủ trưởng:

2.2. Trình độ: Tiến sĩ Thạc sĩ Đại học Cao đẳng

2.3. Chức danh (nếu có): Giáo sư Phó giáo sư

2.4. Phương tiện liên lạc (nếu là số ĐT cố định ghi cả mã vùng): Điện thoại:

Di động: Email:

3. Loại hình tổ chức (Đánh dấu X vào 1 mục phù hợp nhất)

1. Tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

2. Cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng

3. Tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ

4. Cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp khác

5. Doanh nghiệp

4. Loại hình kinh tế (Đánh dấu X vào 1 mục phù hợp nhất)

1. Nhà nước

2. Ngoài nhà nước

3. Có vốn đầu tư nước ngoài

5. Cơ quan quản lý trực tiếp

6. Bộ, ngành/tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ quản, quản lý (Nếu là các tổ chức thuộc Nhà nước (công lập), ghi Bộ/ngành hoặc UBND Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương; nếu là các tổ chức KH&CN ngoài công lập thuộc địa phương, ghi UBND Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương; nếu là thuộc cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, chính trị-xã hội, ghi tên cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, chính trị-xã hội):

7. Lĩnh vực KH&CN của đơn vị (Ghi các lĩnh vực có tỷ trọng theo kinh phí sử dụng của từng lĩnh vực trong toàn bộ hoạt động KH&CN; Tổng tỷ trọng của các lĩnh vực phải là 100%)

Lĩnh vực KH&CN	Tỷ trọng (%)
1. Khoa học tự nhiên	
2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ	
3. Khoa học y, dược	
4. Khoa học nông nghiệp	
5. Khoa học xã hội	
6. Khoa học nhân văn	

8. Loại hình hoạt động KH&CN chính của đơn vị; Nếu thực hiện nhiều loại hình, xin cho biết tỷ trọng tính dựa theo kinh phí sử dụng giữa các loại hình (Chú ý: Tổng tỷ trọng của các loại hình phải là 100%)

Loại hình hoạt động chính	Tỷ trọng (%)
1. Nghiên cứu khoa học	
- Nghiên cứu cơ bản	
- Nghiên cứu ứng dụng	
2. Phát triển công nghệ	
- Triển khai thực nghiệm	
- Sản xuất thử nghiệm	

PHẦN II: THÔNG TIN VỀ NHÂN LỰC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

(Số liệu tại thời điểm 31/12/2021)

1. Nhân lực trực tiếp tham gia hoạt động NC&PT của đơn vị chia theo vị trí hoạt động (Đối với các viện, trung tâm nghiên cứu và phát triển chuyên trách, ghi toàn bộ số nhân lực của đơn vị, kể cả những người làm trong khu vực hành chính, nhưng không tính những người chỉ tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh tại các bộ phận chuyên sản xuất, kinh doanh (nhưng nếu có thực hiện sản xuất thử nghiệm thì vẫn tính vào nhân lực NC&PT))

Đơn vị tính: người

Nhân lực	Mã số	Số lượng	Trong đó: Nữ
1. Cán bộ nghiên cứu (có trình độ cao đẳng trở lên, dành tối thiểu 10% thời gian cho hoạt động NC&PT)	01		
2. Nhân viên kỹ thuật (gồm kỹ thuật viên, nhân viên phòng thí nghiệm có trình độ Trung cấp, sơ cấp và tương đương)	02		
3. Nhân viên hỗ trợ (là các nhân viên hành chính và văn phòng)	03		
Tổng số (04=01+02+03)	04		

2. Cán bộ nghiên cứu của đơn vị (Phần này chỉ tính những người đã được được tính trong Mục 1 của Bảng 1)

2.1. Chia theo trình độ chuyên môn và chức danh (Đây là những người có trình độ cao đẳng trở lên. Đối với viện, trung tâm chuyên thực hiện NC&PT, cán bộ nghiên cứu gồm tất cả những cán bộ có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên, dành tối thiểu 10% thời gian tham gia hoặc phục vụ công tác NC&PT)

Đơn vị tính: người

Cán bộ nghiên cứu	Mã số	Số lượng	Trong đó: Nữ
1. Chia theo trình độ (01=02+03+04+05)	01		
1.1 Tiến sĩ	02		
1.2 Thạc sĩ	03		
1.3 Đại học	04		
1.4 Cao đẳng	05		
2. Trong đó (06=07+08)	06		
2.1 Giáo sư	07		
2.2 Phó giáo sư	08		

2.2. Chia theo lĩnh vực nghiên cứu (Lưu ý phân theo lĩnh vực mà họ đang nghiên cứu, không phải theo chuyên ngành đào tạo)

Đơn vị tính: người

Lĩnh vực nghiên cứu	Mã số	Số lượng	Trong đó: Nữ
1. Khoa học tự nhiên	01		
2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ	02		
3. Khoa học y, dược	03		
4. Khoa học nông nghiệp	04		
5. Khoa học xã hội	05		
6. Khoa học nhân văn	06		
Tổng số (07 = 01+...+06)	07		

(Ghi chú: Mục tổng số của bảng này phải bằng số lượng của mục 1 của Bảng 1 và mục 1 của Bảng 2)

PHẦN III: HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

(Trong năm 2021)

1. Hoạt động NC&PT (Chỉ tính số nhiệm vụ KH&CN do đơn vị chủ trì thực hiện)

Nhiệm vụ KH&CN do cơ quan chủ trì	Mã số	Tổng số nhiệm vụ thực hiện trong năm	Chia ra:		Trong đó: Số nhiệm vụ được nghiệm thu trong năm	Trong đó: Số nhiệm vụ được ứng dụng (giai đoạn 2020-2021)
			Số chuyển tiếp từ năm trước	Số được phê duyệt mới trong năm		
A	B	1 =2+3	2	3	4	5
TỔNG SỐ NHIỆM VỤ (01=02+...+06) Chia theo cấp quản lý	01					
- Cấp quốc gia	02					
- Cấp bộ	03					
- Cấp tỉnh	04					
- Cấp cơ sở	05					
- Khác	06					

2. Kết quả/sản phẩm của hoạt động NC&PT

Loại sản phẩm	Đơn vị	Tổng số
1. Số công nghệ mới/cải tiến đã được tạo ra/nâng cấp trong năm	Công nghệ	
- Trong đó: Số công nghệ mới/cải tiến đã được chuyển giao vào sản xuất	Công nghệ	
2. Doanh thu từ các hợp đồng chuyển giao công nghệ/kết quả nghiên cứu	Triệu đồng	
3. Số tiến sĩ được đào tạo trong năm thông qua các nhiệm vụ NC&PT	Người	
4. Số thạc sĩ được đào tạo trong năm thông qua các nhiệm vụ NC&PT	Người	

PHẦN IV: THÔNG TIN VỀ CHI CHO NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

(Trong năm 2021)

1. Chi cho hoạt động NC&PT chia theo nguồn cấp kinh phí

Đơn vị tính: triệu đồng

Nguồn cấp kinh phí	Mã số	Tổng số
1. Ngân sách nhà nước (01=02+03)	01	
1.1 Ngân sách trung ương	02	
1.2 Ngân sách địa phương	03	
2. Ngoài ngân sách nhà nước (04=05+06+07)	04	
2.1 Từ nguồn doanh nghiệp	05	
2.2 Từ nguồn tự có	06	
2.3 Từ nguồn khác	07	
3. Nước ngoài	08	
Tổng số (09=01+04+08)	09	

2. Chi cho hoạt động NC&PT chia theo loại chi*Đơn vị tính: triệu đồng*

Loại chi	Mã số	Tổng số
1. Chi đầu tư phát triển KH&CN	01	
2. Chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN (02=03+...+07)	02	
- Cấp quốc gia	03	
- Cấp bộ	04	
- Cấp tỉnh	05	
- Cấp cơ sở	06	
- Khác	07	
3. Chi cho hoạt động của cơ quan và chi khác	08	
Tổng số (09= 01 +02 +08)	09	

3. Chi cho hoạt động NC&PT chia theo lĩnh vực nghiên cứu*Đơn vị tính: triệu đồng*

Lĩnh vực nghiên cứu	Mã số	Tổng số
1. Khoa học tự nhiên	01	
2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ	02	
3. Khoa học y, dược	03	
4. Khoa học nông nghiệp	04	
5. Khoa học xã hội	05	
6. Khoa học nhân văn	06	
Tổng số (07 = 01+...+06)	07	

*(Ghi chú: Phần “Tổng số” của các bảng trong phần này phải bằng nhau)***Người trả lời phiếu:**

....., ngày..... tháng..... năm 2022

Họ và tên:.....

Thủ trưởng đơn vị

Điện thoại:.....

(Ký tên, đóng dấu)

E-mail:.....

Điều tra viên:

Họ và tên:.....

Điện thoại:.....

E-mail:.....

*Thông tin liên hệ:**Cục Thông tin KH&CN quốc gia**24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Tel. (024) 38256143; Fax: (024) 39349127;**Email: thongke@vista.gov.vn****Cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị***